

Số: 102/2024/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CHẤP NHẬN VIỆC KHÁNG CÁO QUÁ HẠN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng xét kháng cáo quá hạn gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Tùng Lâm

Bà Nguyễn Hoàng Anh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Trí Đức - Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Võ Thị Thoa-Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2024 bị đơn bà Nguyễn Ngọc Xuân A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 2382/2024/HNGĐ-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên họp xét kháng cáo quá hạn:

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Xuân A có người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị Thanh T1 trình bày: Bà Nguyễn Ngọc Xuân A là bị đơn trong vụ án “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” với nguyên đơn ông Đặng Vũ T, vụ án do Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo bản án số 2382/2024/HNGĐ-ST ngày 11/6/2024, nội dung giao con chung tên Đặng An N sinh ngày 01/10/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 30/8/2024 bà A kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông T hoặc hủy án sơ thẩm do án sơ thẩm xét xử không khách quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của mẹ con bà, lý do kháng cáo quá hạn cụ thể như sau:

Tòa sơ thẩm xác định bà A cư trú tại địa chỉ số H L, phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng vì đây là nhà di của bà A, thời gian tòa sơ thẩm giải quyết vụ án bà A không còn cư trú tại đây. Tòa sơ thẩm có xác minh ở công an phường Thạnh Mỹ Lợi đã xác nhận việc này, tòa sơ thẩm còn lấy lời khai của con bà A là trẻ Đặng An N tại trường học của trẻ ở thành phố N,

tỉnh K thể hiện tòa sơ thẩm biết rõ bà A đang ở tại thành phố N, vi phạm qui định thẩm quyền xét xử tại khoản 1 điều 39 BLTTDS 2015.

Bà A về địa chỉ số H L, phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ở từ tháng 8/2024 đến nay và hiện vẫn chưa nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 20/8/2024 cơ quan thi hành án đến giao quyết định thi hành án thì bà A mới biết có bản án sơ thẩm trên nên đã làm đơn kháng cáo nộp cho tòa án theo qui định.

Do không nhận được án sơ thẩm nên không thể kháng cáo đúng hạn, vì vậy bà A yêu cầu hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Hội đồng phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Xét thấy ngày 20/6/2024 tòa sơ thẩm đã niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm trên tại địa chỉ số H L, phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi thường trú của bà A vì vậy đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo quá hạn của bà A.

XÉT THẤY:

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt bản án số 2382/2024/HNGĐ-ST ngày 11/6/2024 cho bà A bằng hình thức niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà số H L, phường M, thành phố T Thành phố Hồ Chí Minh và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/6/2024 (BL 28, 29, 30, 31), đến ngày 30/8/2024 bà A nộp đơn kháng cáo cho Tòa án là kháng cáo quá thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo bà A trình bày nói trên thì bà không nhận được bản án sơ thẩm nên không thể kháng cáo đúng hạn.

Xét quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của bà A tại nhiều nơi, theo kết quả xác minh của công an phường M, thành phố T Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/01/2024 (BL 57) thì bà A có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số H L, phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng *không thực tế cư trú tại địa phương* mà đang cư trú tại số H N, KP B, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của công an phường T, Quận B ngày 15/01/2024 (BL 56) và ngày 31/01/2024 (BL 58) thì bà A có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số H N, KP B, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 27/5/2021, thực tế từ ngày 14/10/2023 đến nay không còn cư trú tại đây.

Ngày 26/3/2024 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức có văn bản xác minh địa chỉ cư trú của bà A tại thành phố N, theo kết quả xác minh của công an phường L, thành phố N, Tỉnh K (BL 59) thì bà A có *thuê căn N căn hộ G, số 1*

đường D, phường L, Thành phố N, K từ ngày 08/12/2023 nhưng không khai báo tạm trú. Từ đầu tháng 2/2024 bà A không còn sinh sống tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ.

Theo bản án 2382/2024/HNGĐ-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định thì bị đơn bà A có địa chỉ thường trú tại số H L, phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý vụ án ngày 05/01/2024, *tại thời điểm này bà A không có nơi ở nào khác* nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý là đúng thẩm quyền; Quá trình giải quyết vụ án bà A thay đổi nhiều nơi cư trú tuy nhiên căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự quy định vụ án đã thụ lý đúng thì không thay đổi thẩm quyền nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiếp tục giải quyết vụ án.

Theo ông T trình bày thì con chung là trẻ Đặng An N đang ở với mẹ là bà A. Ngày 08/3/2024 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã trực tiếp đến Trường quốc tế KC tại đường H, nội khu G, khu A, phường V, thành phố N, Tỉnh K nơi trẻ Đặng An N đang theo học để lấy lời khai của trẻ. Như vậy, nội dung xác minh thời điểm bà A không còn sinh sống tại địa chỉ trên là từ đầu tháng 2/2024 của công an phường L thành phố N, Tỉnh K là chưa chính xác, bà A tuy không khai báo tạm trú với công an địa phương nhưng thực tế thời gian từ ngày 08/12/2023 đến ngày 08/3/2024 mẹ con bà A đang sinh sống tại căn N căn hộ G, *số 1 đường D, phường L, Thành phố N, K*; địa chỉ trên là nơi cư trú của bà A trong thời gian này theo qui định tại khoản 2 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015, đồng thời là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà A trước khi Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử vụ án và Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức biết việc mẹ con bà A đang ở tại Thành phố N nên mới tiến hành lấy lời khai của trẻ N tại Thành phố N.

Theo người đại diện hợp pháp của bà A trình bày thì khi chung sống bà A thường xuyên bị ông T đánh đập, bạo hành dẫn đến phải ly hôn nhưng sau khi ly hôn rồi ông T vẫn tiếp tục theo dõi, đe dọa khiến bà A rất sợ hãi phải thay đổi chỗ ở nhiều nơi. Lời trình bày này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của trẻ Đặng An N tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, nên việc bà A thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ông T biết về nơi cư trú mới để thực hiện quyền thăm con sau khi ly hôn là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015, quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng do có phần lỗi của ông T.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 69, khoản 3 Điều 98, khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 73, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì đối với vụ án hôn nhân gia đình liên quan đến người chưa thành niên, *trước khi mở phiên họp* kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự thì Thẩm phán được phân công giải

quyết vụ án *phải thu thập tài liệu chứng cứ* để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Đối với vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên; trường hợp cần thiết có thể mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em chứng kiến, tham gia ý kiến. Việc lấy ý kiến của người chưa thành niên phải bảo đảm thân thiện, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người chưa thành niên và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Đồng thời, việc lấy lời khai của đương sự thuộc trường hợp qui định tại khoản 5 Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 phải được tiến hành với sự có mặt của người đại diện hợp pháp của đương sự đó.

Xét thấy Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý vụ án yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Vũ T vào ngày 05/01/2024, cùng ngày 05/01/2024 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức có phiếu xác minh gửi Công an phường M, thành phố T để xác minh nơi cư trú của bà A tại địa chỉ số H L, phường M, thành phố T (BL 57), đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng sau cho bà A tại địa chỉ này (BL 40-43): (1) Thông báo thụ lý vụ án số 33/TB-TLVA ngày 05/01/2024 trong ngày 05/01/2024; (2) *Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/01/2024*; (3) Giấy triệu tập ngày 05/01/2024 có mặt tại Tòa án lúc 14h00 ngày 23/01/2024 để tòa làm việc, lấy lời khai. Như vậy ngay sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án chưa thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo qui định nói trên đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Căn cứ kết quả xác minh của công an phường M thành phố T ngày 05/01/2024, của công an phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh 15 và 31/01/2024, của Công an phường L, thành phố N ngày 26/3/2024 nói trên thì bà A có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số H L, phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng *không thực tế cư trú tại địa phương mà chuyển đến ở quận B từ ngày 27/5/2021 đến ngày 14/10/2023, ngày 08/12/2023 bà A chuyển đến sinh sống tại Thành phố N*. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý vụ án ngày 05/01/2024, thời điểm này bà A đang sinh sống tại Thành phố N, K, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức chỉ niêm yết xét xử vắng mặt bà A tại địa chỉ số H L, phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bà A không còn thực tế cư trú. Ngày 08/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức lấy lời khai của trẻ Đặng An N (sinh ngày 01/10/2014) tại Trường quốc tế KC tại đường H, nội khu G, khu A, phường V, thành phố N, Tỉnh K (BL 62,63), thời điểm này bà A đang sinh sống tại Thành phố N nhưng Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thông báo, không mời bà A có mặt khi lấy lời khai của trẻ N; kết quả đã lấy lời khai mà không có mặt người đại diện hợp pháp

của trẻ N (bà A, ông T) nên không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ N và bà A theo qui định pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 69, khoản 3 Điều 98, khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 73, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, việc bỏ qua thủ tục này khiến bà A không có cơ hội, điều kiện để trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa án nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ N và bà A theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo trễ hạn của bà A.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp không phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét kháng cáo quá hạn không chấp nhận.

Căn cứ Điều 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Xuân A đối với bản án dân sự sơ thẩm số 2382/2024/HNGĐ-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT KHÁNG CÁO QUÁ HẠN
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Phạm Thị Thu Phương